

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C MỚI  
TỈNH A GIAG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06/7/2023

“V/v trAh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C MỚI, TỈNH A GIAG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Đức.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Được

2. Bà Đào Thị Thu Vân

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Triệu Thị Yên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C Mới, tỉnh A GiAg.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C Mới, tỉnh A GiAg tham gia phiên tòa:*** Ông Hồ ThAh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 249/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 về việc “trAh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị Thu S, sinh năm 1998; địa chỉ: ấp Kiến Bình 1, xã Kiến A, huyện C Mới, tỉnh A GiAg (có đơn xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoài H, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp Kiến Bình 1, xã Kiến A, huyện C Mới, tỉnh A GiAg (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai Thị Thu S trình bày, qua thời giA tự tìm hiểu, bà S và ông Nguyễn Hoài H tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã Kiến A, huyện C Mới, tỉnh A GiAg vào ngày 11/10/2016. Trong thời giA chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Nguyễn Thị Linh, sinh ngày 01/01/2013 và Nguyễn Hữu Phước, sinh ngày 14/5/2017. Hiện tại, cháu Linh và cháu Phước đAg được bà S nuôi dưỡng.*

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, không tôn trọng nhau, tính tình không hợp, bà S và ông H không còn sống chung từ năm 2021 cho đến nay, không tới lui thăm nhau, không qua tâm đến cuộc sống gia đình.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà S yêu cầu được ly hôn với ông H; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Linh, cháu Nguyễn Hữu Phước, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

- Bị đơn ông Nguyễn Hoài H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nh được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, với lý do: Hiện đAg làm công nhân tại tỉnh Tây Ninh, nên việc xin phép nghỉ rất khó khăn nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về qua hệ hôn nhân, bà S và ông H kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn nên qua hệ hôn nhân giữa bà S, ông H hợp pháp, được pháp luật thừa nh và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do ông H không qua tâm chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên nhậu nhệ. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2021 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà S yêu cầu ly hôn với ông H.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không gửi văn bản trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà S.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà S và ông H do ông H không qua tâm đến gia đình, thường xuyên nhậu nhệ, cự cãi dẫn đến vợ chồng thường bất hòa và không còn sống chung từ năm 2021 cho đến nay. Vợ chồng không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà S và ông H đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Cho nên, bà S yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung, đề nghị chấp nH yêu cầu của bà S, giao cháu Linh, cháu Phước cho bà S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, con chung hiện nay bà S đAg nuôi dưỡng, và nguyện vọng con chung muốn sống với bà S. Đồng thời, ông H không có ý kiến phản hồi về nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử giao con chung cho bà S được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, do bà S không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nH yêu cầu ly hôn của bà S đối với ông H; bà S được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Linh, Nguyễn Hữu Phước; ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Bà Mai Thị Thu S khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoài H. Đồng thời, ông H cư trú trên địa bàn huyện C Mới. Xét đây là trAh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Mai Thị Thu S có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Hoài H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà S, ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

##### **[2.1] Về hôn nhân:**

Bà S và ông H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quA hệ hôn nhân giữa bà S và ông H là hợp pháp, được pháp luật thừa nH và bảo vệ.

Bà S xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do ông H thường xuyên nhậu nhẹt, không quA tâm chăm sóc gia đình. Bà S, ông H không còn sống chung từ năm 2021 cho đến nay.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời giA chung sống, bà S và ông H thường xuyên cãi vã và không còn sống chung từ năm 2021 cho đến nay. Vợ chồng không quA tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp

lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông H nhưng ông H không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà S. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà S, ông H là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nH yêu cầu ly hôn của bà S đối với ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà S xác định trong thời giA chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Nguyễn Thị Linh, sinh ngày 01/01/2013 và Nguyễn Hữu Phước, sinh ngày 14/5/2017. Bà S yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, con chung đAg được bà S chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu Linh, cháu Phước cho bà S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà S không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bA thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

1. Chấp nH yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu S.

1.1. Về hôn nhân: Bà Mai Thị Thu S được ly hôn với ông Nguyễn Hoài H.

Giấy chứng nH kết hôn số 228, ngày 11/10/2016 do Ủy bA nhân dân xã Kiến A, huyện C Mới, tỉnh A GiAg cấp cho bà Mai Thị Thu S và ông Nguyễn Hoài H không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về con chung:

Bà Mai Thị Thu S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Linh, sinh ngày 01/01/2013 và Nguyễn Hữu Phước, sinh ngày 14/5/2017. Ông Nguyễn Hoài H không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Mai Thị Thu S cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Hoài H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan A có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về quyền tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ghi nhận bà Trinh xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì bà Trinh, ông Thế vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

### 3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Mai Thị Thu S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013501 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C Mới, tỉnh A GiAg cấp ngày 20 tháng 4 năm 2023; bà Mai Thị Thu S đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Hoài H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Mai Thị Thu S và ông Nguyễn Hoài H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

#### Nơi nH:

- VKSND huyện C Mới (2);
- TAD tỉnh A GiAg (1);
- Chi cục THADS huyện C Mới (1);
- UBND xã Kiến A+, huyện C Mới, tỉnh A GiAg (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Công Đức**